



Họ và tên học sinh:

Chuyên KHTN

Chuyên KHTN

Câu 1: Hợp chất X không no mạch hở có công thức phân tử C_8H_{10} , khi tham gia phản ứng xà phòng hoá thu được 1 andehit và 1 muối của axit hữu cơ. Có bao nhiêu công thức cấu tạo phù hợp với X (không kể đồng phân cis, trans)?

- A. 2 chất. B. 3 chất. C. 4 chất. D. 5 chất.

Câu 2: Hỗn hợp X gồm FeO , Fe_3O_4 và Fe_2O_3 . Để khử hoàn toàn 3,04 gam hỗn hợp X cần vừa đủ 0,1 gam hiđro. Hòa tan hết 3,04 gam hỗn hợp X bằng dung dịch H_2SO_4 đặc, nóng thì thể tích khí SO_2 (sản phẩm khử duy nhất) thu được ở dktc là

- A. 112 ml. B. 224 ml. C. 336 ml. D. 448 ml.

Câu 3: Xà phòng hoá este $C_5H_{10}O_2$ thu được một rượu. Đun rượu này với H_2SO_4 đặc ở $170^{\circ}C$ được hỗn hợp các olefin. Este đó là

- A. $CH_3COOCH_2CH_2CH_3$. B. $CH_3COOCH(CH_3)_2$.
C. $HCOOCH(CH_3)C_2H_5$. D. $HCOO(CH_2)_3CH_3$.

Câu 4: Có một hỗn hợp gồm $Fe(OH)_3$, $Cu(OH)_2$, $Zn(OH)_2$, Ag_2O . Chỉ cần dùng 1 hóa chất là tách được $Fe(OH)_3$. Hóa chất đó là

- A. dung dịch $NaOH$. B. dung dịch HCl . C. khí NH_3 . D. dung dịch NH_3 .

Câu 5: Nguyên tử của nguyên tố X có phân lớp electron ngoài cùng là 3p. Nguyên tử của nguyên tố Y có phân lớp electron ngoài cùng là 3s. Tổng số electron ở hai phân lớp ngoài cùng của X và Y là 7. Biết rằng X và Y dễ dàng phản ứng với nhau. Số hiệu nguyên tử của X và Y tương ứng là

- A. 18 và 11. B. 13 và 15. C. 12 và 16. D. 17 và 12.

Câu 6: Cho các chất: $C_4H_{10}O$, C_4H_9Cl , C_4H_{10} , $C_4H_{11}N$. Số đồng phân của các chất giảm theo thứ tự

- A. C_4H_9Cl , C_4H_{10} , $C_4H_{10}O$, $C_4H_{11}N$. B. $C_4H_{11}N$, C_4H_9Cl , $C_4H_{10}O$, C_4H_{10} .
C. $C_4H_{11}N$, $C_4H_{10}O$, C_4H_9Cl , C_4H_{10} . D. $C_4H_{11}N$, $C_4H_{10}O$, C_4H_{10} , C_4H_9Cl .

Câu 7: Trùng hợp hoàn toàn 6,25 gam vinyl clorua được m gam PVC. Số mắt xích $-CH_2-CHCl-$ có trong m gam PVC nói trên là

- A. $6,01 \cdot 10^{20}$. B. $6,02 \cdot 10^{21}$. C. $6,02 \cdot 10^{22}$. D. $6,02 \cdot 10^{23}$.

Câu 8: Hòa tan hỗn hợp gồm Mg và Al vào dung dịch HNO_3 vừa đủ thu được dung dịch X không chứa muối amoni và 0,336 lít N_2O (dktc) thoát ra duy nhất. Nếu cho từ từ dung dịch $NaOH$ 1M vào dung dịch X đến khi khối lượng kết tủa đạt giá trị 2,52 gam thì thể tích dung dịch $NaOH$ tối thiểu đã dùng là 90ml (Giả sử $Mg(OH)_2$ kết tủa hết trước khi $Al(OH)_3$ bắt đầu kết tủa trong dung dịch kiềm). Vậy % khối lượng của Mg trong hỗn hợp ban đầu là

- A. 42,86%. B. 57,14%. C. 36,00%. D. 69,23%.

Câu 9: Dẫn khí Clo vào cốc đựng nước vôi khi đun nóng, sau đó cho thêm dung dịch KCl bão hòa vào cốc rồi làm lạnh, thu được chất X kết tinh. Chất X là

- A. $CaOCl_2$. B. $CaCl_2$. C. $KClO_3$. D. $Ca(ClO_3)_2$.

Câu 10: Đề nhận ra protein người ta cho vào dung dịch vài giọt HNO_3 , đun nóng sản phẩm thu được có màu

- A. vàng. B. đỏ. C. tím xanh. D. xanh lam.

Câu 11: Cho các chất sau: anilin, etylamonium clorua, natri hiđroxít, axit clohiđric, metylamin. Số cặp chất tác dụng với nhau là

- A. 3. B. 4. C. 5. D. 6.

Câu 12: Trộn dung dịch chứa a mol $NaAlO_2$ với dung dịch chứa b mol HCl . Đề thu được kết tủa thì cần có tì lệ

- A. $a : b = 1 : 4$. B. $a : b < 1 : 4$. C. $a : b = 1 : 1$. D. $a : b > 1 : 4$.

Câu 13: Thành phần chính của amphot, một loại phân bón phức hợp là

- A. $Ca(H_2PO_4)_2$. B. $NH_4H_2PO_4$ và $Ca(H_2PO_4)_2$.
C. $NH_4H_2PO_4$ và $(NH_4)_2HPO_4$. D. $(NH_4)_2HPO_4$ và $Ca(H_2PO_4)_2$.

Câu 14: Hai este A, B là đồng phân của nhau và đều do axit cacboxylic no, đơn chức và rượu no đơn chức tạo thành. Đề xà phòng hóa hoàn toàn 33,3 gam hỗn hợp hai este trên cần vừa đủ 450 ml dung dịch $NaOH$ 1M. Tên gọi hai este đó là

- A. etyl fomiat và metyl axetat. B. etyl axetat và propyl fomiat.
C. butyl fomiat và etyl propionat. D. metyl axetat và metyl fomiat.

Câu 15: Xà phòng hóa hoàn toàn 0,1 mol một este đơn chức bằng 180 ml dung dịch MOH 1 mol/lít (M là kim loại kiềm). Cỏ cạn dung dịch thu được chất rắn A. Đốt hết chất rắn A thu được 12,42 gam M_2CO_3 . Kim loại M là

- A. Li. B. Na. C. K. D. Rb.

Câu 16: Hòa tan hoàn toàn m gam hỗn hợp Al và Ba với số mol bằng nhau vào nước được dung dịch X. Cho từ từ dung dịch HCl 0,5M vào dung dịch X đến khi lượng kết tủa đạt giá trị lớn nhất thấy dùng hết 200ml. Giá trị của m là

- A. 8,2 gam. B. 16,4 gam. C. 13,7 gam. D. 9,55 gam.

Câu 17: Hợp chất A (C_8H_{10}) có chứa vòng benzen. A có thể tạo ra 4 dẫn xuất C_8H_9Cl . Vậy A là

- A. Etylbenzen. B. o-xilen. C. m-xilen. D. p-xilen.

Câu 18: Cho các chất K_2O , NH_4Cl , $KHCO_3$ và $BaCl_2$ có số mol bằng nhau vào một cốc nước (dứ), sau khi đun nóng, dung dịch thu được có chứa

- A. KCl , KOH . B. KCl . C. KCl , $KHCO_3$, $BaCl_2$. D. KCl , KOH , $BaCl_2$.

Câu 19: Hòa tan hết hỗn hợp X gồm Fe và Fe_3O_4 bằng dung dịch HNO_3 thu được 2,24 lít khí NO (đktc). Nếu hòa tan hết lượng hỗn hợp X ở trên bằng dung dịch H_2SO_4 đặc nóng thì thể tích khí SO_2 thu được ở đktc sẽ là

- A. 1,12 lít. B. 2,24 lít. C. 3,36 lít. D. 4,48 lít.

Câu 20: Đốt cháy hoàn toàn 0,67 gam chất hữu cơ X có công thức phân tử trùng với công thức đơn giản nhất, sản phẩm chỉ gồm 448ml CO_2 (đktc) và 0,27 gam H_2O . Hòa tan X vào dung môi trơ rồi chia thành hai phần bằng nhau. Phần 1 phản ứng hết với Na_2CO_3 được V lít khí. Phần 2 phản ứng hết với Na tạo ra 1,5V lít khí đo trong cùng điều kiện. Đun nóng X thu được Y có tì khối hơi so với Heli bằng 24,5. Công thức phân tử của Y là

- (A) $C_4H_2O_3$. B. $C_5H_6O_2$. C. $C_6H_{10}O$. D. C_7H_{14} .

Câu 21: Thuỷ phân hoàn toàn 100 ml dung dịch đường mantomoz 2M thì thu được dung dịch X. Cho dung dịch X tác dụng với dung dịch $AgNO_3/NH_3$ (dứ) thì được m gam kết tủa. Giá trị của m là

- A. 21,6 gam. B. 43,2 gam. C. 86,4 gam. D. 32,4 gam.

Câu 22: Đốt cháy hoàn toàn 1,18 gam một amin mạch hở, no đơn chức Y sau đó dẫn toàn bộ sản phẩm sau phản ứng vào bình đựng dung dịch $Ca(OH)_2$ dư, thu được 6 gam kết tủa. Công thức phân tử của Y là

- A. C_2H_5N . B. C_2H_7N . C. C_3H_9N . D. $C_4H_{11}N$.

Câu 23: Hợp chất X (chứa 25,81% oxi về khối lượng) có công thức phân tử trùng với công thức đơn giản nhất, khi cháy chỉ tạo ra CO_2 và H_2O . Hòa tan 31 gam X vào dung môi trơ rồi chia dung dịch thu được thành hai phần bằng nhau. Phần 1 phản ứng vừa hết với 312,5 ml dung dịch $NaOH$ 0,4M. Phần 2 cho phản ứng với CH_3COOH có H_2SO_4 làm xúc tác thu được sản phẩm hữu cơ có công thức phân tử là

- A. $C_7H_8O_2$. B. $C_9H_{14}O_3$. C. $C_9H_{10}O_3$. D. $C_{11}H_{12}O_4$.

Câu 24: Phản ứng nào sau đây là sai ?

- A. $(NH_4)_2Cr_2O_7 \xrightarrow{t^\circ} Cr_2O_3 + N_2 + 4H_2O$. B. $2CrO_3 + 2NH_3 \longrightarrow Cr_2O_3 + N_2 + 3H_2O$.

- C. $3CuO + 2NH_3 \longrightarrow 3Cu + N_2 + 3H_2O$. D. $Fe_2O_3 + 6HI \longrightarrow 2FeI_3 + 3H_2O$.

Câu 25: Cho phương trình ion thu gọn sau: $aZn + bNO_3^- + cOH^- \longrightarrow ZnO_2^{2-} + NH_3 + H_2O$

Tổng các hệ số (các số nguyên tối giản) của các chất tham gia phản ứng ($a + b + c$) là

- A. 9. B. 10. C. 11. D. 12.

Câu 26: Cho 11,6 gam muối $FeCO_3$ tác dụng vừa đủ với dung dịch HNO_3 , được hỗn hợp khí CO_2 , NO và dung dịch X. Khi thêm dung dịch HCl (dứ) vào dung dịch X, thì dung dịch thu được hòa tan tối đa bao nhiêu gam bột đồng kim loại, biết rằng có khí NO bay ra.

- A. 14,4 gam. B. 3,2 gam. C. 28,8 gam. D. 32 gam.

Câu 27: Cho sơ đồ phản ứng: $C_2H_2 \longrightarrow X \longrightarrow Y \longrightarrow CH_3COOH$.

Trong số các chất: C_2H_6 , C_2H_4 , CH_3CHO , $CH_3C(O)CH=CH_2$ thì số chất phù hợp với chất X theo sơ đồ trên là

- A. 4. B. 3. C. 2. D. 1.

Câu 28: Cho dung dịch NH_3 dư vào dung dịch X chứa hỗn hợp $AlCl_3$, $ZnCl_2$ và $FeCl_3$ thu được kết tủa Y. Nung kết tủa Y ta được chất rắn Z, cho luồng khí H_2 dư đi qua Z nung nóng đến phản ứng hoàn toàn thu được chất rắn T. Trong T có chứa

- A. Al_2O_3 và Zn . B. Al_2O_3 , ZnO và Fe . C. Fe . D. Al_2O_3 và Fe .

Câu 29: Có 4 dung dịch không màu là HF , HCl , HBr và HI . Khi để lâu ngoài không khí thì dung dịch có thể bị chuyển màu là

- A. cả 4 dung dịch. B. HCl , HBr và HI . C. HBr và HI . D. HBr .

Câu 30: Đốt cháy dây sắt trong không khí thu được chất X chứa 27,586% oxi về khối lượng. Hòa tan hết X vào lượng dung dịch H_2SO_4 đặc, thu được 448ml khí (đktc). Cố cặn bết dung dịch, rồi làm lạnh, thu được 23,604 gam muối Y kết tinh đạt hiệu suất 70%. Vậy Y là

- A. $Fe_2(SO_4)_3$. B. $Fe_2(SO_4)_3 \cdot 5H_2O$. C. $Fe_2(SO_4)_3 \cdot 7H_2O$. D. $Fe_2(SO_4)_3 \cdot 9H_2O$.

Câu 31: Hợp chất hữu cơ X có % khối lượng của các nguyên tố C, H, N tương ứng là 40,449; 7,865; 15,73; còn lại là oxi. Cho 17,8 gam X tác dụng hết với 1 lượng vừa đủ dung dịch $NaOH$ thu được 19,4 gam muối khan. Biết khối lượng mole phân tử của X nhỏ hơn 150 gam. Công thức cấu tạo thu gọn của X là

- A. $H_2NCOOC_2H_5$. B. $C_2H_5COONH_4$. C. $H_2NC_2H_4COOH$. D. $H_2NCH_2COOCH_3$.

Câu 32: Khú 1,6 gam hỗn hợp hai anđehit no bằng khí H_2 thu được hỗn hợp hai rượu. Đun nóng hai rượu này với H_2SO_4 đặc được hỗn hợp hai olefin là đồng đẳng kế tiếp. Đốt cháy hai olefin này được 3,52 gam CO_2 . Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Công thức của hai anđehit đó là

- A. $HCHO$, CH_3CHO . B. CH_3CHO , C_2H_5CHO .

- C. C_2H_5CHO , C_3H_7CHO . D. CH_3CHO , $CH_2(CH_3)O_2$.

Câu 33: Hỗn hợp X gồm hai este đơn chức. Cho 0,74 gam X tác dụng vừa hết với 8 gam dung dịch KOH 7% tạo ra hỗn hợp hai muối và hai ancol. Mặt khác, đun nóng hỗn hợp X với H_2SO_4 đặc 98% thu được hỗn hợp khí Y. Dẫn Y qua dung dịch brom dư, thấy khí Z đi qua dung dịch có thể tích bằng 2/3 thể tích của khí Y, nhưng khối lượng riêng của khí không đổi. Vậy hai este có trong X là

- A. CH_3COOCH_3 và $HCOOC_2H_5$. B. $HCOOCH_3$ và $C_2H_5COOC_2H_5$.

- C. CH_3COOCH_3 và $HCOOCH_3$. D. $HCOOCH_3$ và $CH_3COOC_2H_5$.

Câu 34: Hòa tan hết 2,08 gam hỗn hợp gồm Fe và Cu bằng dung dịch HNO_3 thu được dung dịch X và 672ml khí NO (dktc). Thêm từ từ 1,2 gam Mg kim loại vào hỗn hợp X đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 224ml khí NO (dktc), dung dịch Y và m gam chất rắn không tan. Giá trị của m là

- A. 0,84 gam. B. 1,44 gam. C. 1,52 gam. D. 1,71 gam.

Câu 35: Cho mỗi chất CH_3I (X), HCl (Y), nước brom (Z), NaNO_2/HCl (T) tác dụng với anilin. Chất phản ứng được với anilin là

- A. Z. B. Y và Z. C. Y, Z và T. D. X, Y, Z và T.
Câu 36: Có bốn hợp chất hữu cơ công thức phân tử lần lượt là: CH_2O , CH_2O_2 , $\text{C}_2\text{H}_2\text{O}_3$ và $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_3$. Số chất vừa tác dụng với Na, vừa tác dụng với dung dịch NaOH , vừa có phản ứng tráng gương là

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 37: Đốt cháy hoàn toàn 10 ml một este X cần 45ml O_2 thu được thể tích CO_2 và hơi H_2O có tỉ lệ tương ứng là 4 : 3. Dẫn sản phẩm sản phẩm cháy qua bình đựng P_2O_5 dư thấy thể tích giảm 30ml. Biết rằng các thể tích được đo ở cùng điều kiện. Công thức của X là

- A. $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$. B. $\text{C}_4\text{H}_6\text{O}_4$. C. $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$. D. $\text{C}_8\text{H}_8\text{O}_4$.

Câu 38: Hòa tan hoàn toàn m gam hỗn hợp Fe, Cu vào dung dịch HNO_3 đặc, nóng, dư thu được 2,688 lít một chất khí là sản phẩm khử duy nhất (dktc) và dung dịch A. Cho dung dịch NaOH đến dư vào A rồi lọc lấy kết tủa nung đến khối lượng không đổi thu được 4 gam chất rắn. Giá trị của m là

- A. 1,2 gam. B. 3,04 gam. C. 7,2 gam. D. 6,8 gam.

Câu 39: Trong 3 dung dịch có các loại ion sau: Ba^{2+} , Mg^{2+} , Na^+ , SO_4^{2-} , CO_3^{2-} , NO_3^- . Mỗi dung dịch chỉ chứa một loại anion và một loại cation. Vậy 3 dung dịch đó là

- A. BaSO_4 , $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$, Na_2CO_3 .
B. $\text{Ba}(\text{NO}_3)_2$, MgSO_4 , Na_2CO_3 .
C. $\text{Ba}(\text{NO}_3)_2$, MgCO_3 , Na_2SO_4 .
D. BaCO_3 , MgSO_4 , NaNO_3 .

Câu 40: Khi trộn các khí: H_2 với O_2 (1); NO với O_2 (2); CO với N_2 (3) và NH_3 với HCl (4) thì các trường hợp có thể tích giảm ngay ở điều kiện thường là

- A. (1) và (2). B. (3) và (4). C. (1), (2) và (4). D. (2) và (4).

Câu 41: Dãy gồm các hiđrocacbon khi tác dụng với clo theo tỉ lệ mol 1:1 (chiếu sáng) đều thu được 4 dẫn xuất monoclo là

- A. methyl xiclopentan và iso pentan. B. iso pentan và 2,2- dimetyl butan.
C. 2,3- dimetyl butan và methyl xiclopentan. D. 2,2- dimetyl pentan và 2,3- dimetyl butan.

Câu 42: Để làm mềm một loại nước cứng có chứa CaCl_2 và $\text{Mg}(\text{HCO}_3)_2$ ta có thể dùng

- A. Na_3PO_4 . B. NaOH . C. NaCl . D. $\text{Ca}(\text{OH})_2$.

Câu 43: Hợp chất hữu cơ X chứa C, H, O tác dụng được với Na. Đốt cháy X chỉ thu được CO_2 và H_2O với số mol như nhau và số mol O_2 cần dùng gấp 4 lần số mol X. Công thức cấu tạo của X là

- A. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{COOH}$. B. $\text{CH}_2=\text{CHCOOH}$. C. $\text{CH}_2=\text{CHCH}_2\text{OH}$. D. $\text{CH}_3\text{CH}=\text{CHOH}$.

Câu 44: Hòa tan hoàn toàn cùng một lượng kim loại R vào dung dịch HNO_3 đặc nóng và vào dung dịch H_2SO_4 loãng thì thể tích khí NO_2 thu được gấp 3 lần thể tích H_2 do ở cùng điều kiện. Số gam muối sunfat tạo ra chỉ bằng 62,81% số gam muối nitrat. Vậy R là

- A. Al. B. Zn. C. Fe. D. Mg.

Câu 45: Có một hỗn hợp gồm Al_2O_3 , Cr_2O_3 và CuO . Chỉ cần một hóa chất nào trong số các hóa chất cho dưới đây có thể tách được CuO ra khỏi hỗn hợp?

- A. Dung dịch NaOH . B. Dung dịch NH_3 . C. Dung dịch HCl . D. Khí CO , đun nóng.

Câu 46: Trong phân tử amilozơ các mắt xích glucozơ liên kết với nhau bằng các liên kết nào sau đây?

- A. α -1,6-glicozit. B. α -1,4-glicozit. C. β -1,6-glicozit. D. β -1,4-glicozit.

Câu 47: Cho 10 gam hỗn hợp gồm Fe và Cu (trong đó Fe chiếm 40% khối lượng) vào dung dịch H_2SO_4 đặc, đun nóng. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được dung dịch X, khí Y và còn lại 6,64 gam kim loại chưa tan hết. Khối lượng muối khan tạo thành trong dung dịch X là

- A. 9,12 gam. B. 12,5 gam. C. 14,52 gam. D. 12 gam.

Câu 48: Trong số các dung dịch: NaOH , NaHCO_3 , NaHSO_4 , BaCl_2 thì số cặp dung dịch có thể phản ứng với nhau là

- A. 3. B. 4. C. 5. D. 6.

Câu 49: Cho hỗn hợp khí gồm clo và oxi phản ứng hết với hỗn hợp gồm 4,8 gam Mg và 8,1 gam Al, tạo ra 37,05 gam hỗn hợp gồm muối clorua và oxit. Số mol clo và oxi đã phản ứng tương ứng là

- A. 0,25 và 0,2. B. 0,5 và 0,4. C. 0,4 và 0,5. D. 0,2 và 0,25.

Câu 50: Hòa tan hoàn toàn 14,2 gam hỗn hợp MgCO_3 và $\text{R}_2(\text{CO}_3)_3$ vào cốc đựng dung dịch axit HCl 7,3% vừa đủ, thu được 3,36 lít khí (dktc). Nồng độ MgCl_2 trong dung dịch tạo ra là 6,028%. Thêm dung dịch NaOH dư vào cốc, lọc lấy kết tủa rồi nung ngoài không khí đến khối lượng không đổi thu được số gam chất rắn là

- A. 2 gam. B. 8 gam. C. 6 gam. D. 4 gam.

Hết

Cho: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; S = 32; Cl = 35,5; Li = 7; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; K = 39; Ca = 40; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Rb = 85; Ba = 137. N = $6,02 \cdot 10^{23}$.



Mã đề thi: 513

- | | | | | |
|------------|------------|------------|------------|------------|
| Câu 1: C. | Câu 2: C. | Câu 3: C. | Câu 4: B. | Câu 5: A. |
| Câu 6: A. | Câu 7: A. | Câu 8: D. | Câu 9: D. | Câu 10: B. |
| Câu 11: B. | Câu 12: A. | Câu 13: D. | Câu 14: B. | Câu 15: B. |
| Câu 16: C. | Câu 17: B. | Câu 18: C. | Câu 19: D. | Câu 20: A. |
| Câu 21: C. | Câu 22: B. | Câu 23: B. | Câu 24: A. | Câu 25: A. |
| Câu 26: B. | Câu 27: D. | Câu 28: C. | Câu 29: B. | Câu 30: A. |
| Câu 31: C. | Câu 32: C. | Câu 33: D. | Câu 34: C. | Câu 35: B. |
| Câu 36: C. | Câu 37: C. | Câu 38: C. | Câu 39: B. | Câu 40: C. |
| Câu 41: D. | Câu 42: A. | Câu 43: D. | Câu 44: D. | Câu 45: A. |
| Câu 46: D. | Câu 47: C. | Câu 48: D. | Câu 49: C. | Câu 50: C. |

Mã đề thi: 537

- | | | | | |
|------------|------------|------------|------------|------------|
| Câu 1: A. | Câu 2: B. | Câu 3: C. | Câu 4: C. | Câu 5: B. |
| Câu 6: C. | Câu 7: C. | Câu 8: D. | Câu 9: D. | Câu 10: C. |
| Câu 11: A. | Câu 12: A. | Câu 13: B. | Câu 14: B. | Câu 15: C. |
| Câu 16: C. | Câu 17: D. | Câu 18: A. | Câu 19: C. | Câu 20: C. |
| Câu 21: D. | Câu 22: D. | Câu 23: C. | Câu 24: B. | Câu 25: C. |
| Câu 26: D. | Câu 27: C. | Câu 28: D. | Câu 29: D. | Câu 30: C. |
| Câu 31: D. | Câu 32: B. | Câu 33: D. | Câu 34: B. | Câu 35: A. |
| Câu 36: B. | Câu 37: C. | Câu 38: D. | Câu 39: C. | Câu 40: B. |
| Câu 41: B. | Câu 42: B. | Câu 43: A. | Câu 44: A. | Câu 45: A. |
| Câu 46: B. | Câu 47: C. | Câu 48: A. | Câu 49: C. | Câu 50: A. |

Mã đề thi: 548

- | | | | | |
|------------|------------|------------|------------|------------|
| Câu 1: C. | Câu 2: B. | Câu 3: C. | Câu 4: D. | Câu 5: D. |
| Câu 6: C. | Câu 7: C. | Câu 8: B. | Câu 9: C. | Câu 10: A. |
| Câu 11: B. | Câu 12: D. | Câu 13: C. | Câu 14: A. | Câu 15: C. |
| Câu 16: A. | Câu 17: C. | Câu 18: B. | Câu 19: C. | Câu 20: A. |
| Câu 21: C. | Câu 22: C. | Câu 23: C. | Câu 24: D. | Câu 25: D. |
| Câu 26: D. | Câu 27: B. | Câu 28: D. | Câu 29: C. | Câu 30: D. |
| Câu 31: D. | Câu 32: B. | Câu 33: B. | Câu 34: C. | Câu 35: D. |
| Câu 36: C. | Câu 37: A. | Câu 38: B. | Câu 39: B. | Câu 40: D. |
| Câu 41: A. | Câu 42: A. | Câu 43: C. | Câu 44: C. | Câu 45: A. |
| Câu 46: B. | Câu 47: A. | Câu 48: B. | Câu 49: A. | Câu 50: B. |

Mã đề thi: 569

- | | | | | |
|------------|------------|------------|------------|------------|
| Câu 1: C. | Câu 2: B. | Câu 3: B. | Câu 4: A. | Câu 5: C. |
| Câu 6: A. | Câu 7: C. | Câu 8: A. | Câu 9: B. | Câu 10: C. |
| Câu 11: B. | Câu 12: D. | Câu 13: C. | Câu 14: C. | Câu 15: D. |
| Câu 16: A. | Câu 17: A. | Câu 18: D. | Câu 19: C. | Câu 20: B. |
| Câu 21: B. | Câu 22: C. | Câu 23: C. | Câu 24: C. | Câu 25: A. |
| Câu 26: C. | Câu 27: C. | Câu 28: D. | Câu 29: D. | Câu 30: C. |
| Câu 31: A. | Câu 32: C. | Câu 33: C. | Câu 34: D. | Câu 35: D. |
| Câu 36: D. | Câu 37: B. | Câu 38: D. | Câu 39: B. | Câu 40: D. |
| Câu 41: A. | Câu 42: B. | Câu 43: B. | Câu 44: C. | Câu 45: D. |
| Câu 46: C. | Câu 47: A. | Câu 48: B. | Câu 49: B. | Câu 50: A. |